

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TH
TỈNH TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **82/2021/HSST**
Ngày: 29/3/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH TH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quảng Thái
2. Ông Phạm Lành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Bùi Thị Thùy L, tên gọi khác: Không; Sinh năm 1989 tại Bắc Kạn; Nơi cư trú: Tổ X, phường H, thành phố TH, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nhân viên Chi nhánh Công ty Cổ phần Gang thép TH – Xí nghiệp năng lượng; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Là đảng viên Đảng cộng sản Việt N, đã có Quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng số 05 –QĐ/UBKTĐU ngày 19/01/2021 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Công ty cổ phần Gang thép TH; Con ông Bùi Minh K, sinh năm 1962 và con bà Lê Thị Thúy D, sinh năm 1969; Bị cáo có chồng là Nguyễn Văn N1, sinh năm 1986 và có 01 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không

Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (trước đó không bị tạm giữ, tạm giam). *(Có mặt tại phiên tòa).*

2. Đỗ Văn Đ, tên gọi khác: Không; Sinh năm 1991 tại Hưng Yên; Nơi ĐKNKTT: Đội 3, thôn H, xã T, huyện K, tỉnh H; Chỗ ở: Tổ Y, phường Q, thành phố TH, tỉnh TH. Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông Đỗ Văn T, sinh năm 1964 và con bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1969; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh năm 1991 và có 01 con sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 99/QĐ-XPVPHC ngày 08/8/2014, Công an huyện K, tỉnh H xử phạt 2.250.000đ về hành vi Sử dụng, tàng trữ trái phép chất ma túy.

Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (trước đó không bị tạm giữ, tạm giam). *(Có mặt tại phiên tòa)*.

3. Nguyễn Đức N, tên gọi khác: Không; Sinh năm 1992 tại TH; Nơi cư trú: Tổ Z, phường T, thành phố TH, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1954 và con bà Trần Thị S, sinh năm 1961; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPVPHC ngày 08/4/2008, Công an phường T, thành phố TH xử phạt 75.000đ về hành vi Dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác.

Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (trước đó không bị tạm giữ, tạm giam). *(Có mặt tại phiên tòa)*.

4. Nguyễn Thị Quỳnh A, tên gọi khác: Không; Sinh năm 1991 tại TH; Nơi ĐKNKTT: Tổ 03, phường Q, thành phố TH, tỉnh TH; Nơi cư trú: Tổ Y, phường Q, thành phố TH, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông Nguyễn Duy L, sinh năm 1960 và con bà Phạm Thị T2, sinh năm 1967; Bị cáo có chồng là Đỗ Văn Đ, sinh năm 1991 và có 01 con sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (trước đó không bị tạm giữ, tạm giam). *(Có mặt tại phiên tòa)*.

* *Bị hại*: Chị Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 1991 - Trú tại: Tổ N, phường T, TP TH, tỉnh TH *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988 - trú tại: Thôn B, xã L, huyện Ú, thành phố H *(Có mặt tại phiên tòa)*

* *Người làm chứng*: Anh Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1994, HKTT: tổ 3, phường G, thành phố TH, *(vắng mặt tại phiên tòa)*.

* *Người chứng kiến*: Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1986, trú tại: Tổ X, phường H, thành phố TH, tỉnh TH *(Có mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 19/7/2020, Nguyễn Đức N điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe, màu trắng, BKS: 20A-238.xx cùng Bùi Thị Thùy L, Đỗ Văn Đ và Nguyễn Thị Quỳnh A (là vợ của Đ) đi ăn sáng, khi đi trên đường Hoàng Ngân thuộc phường P, thành phố TH thì L, N, Đ và Quỳnh A nhìn thấy chồng của L là Nguyễn Văn N1 (sinh năm 1986, trú tại tổ X, phường H, thành phố TH) cùng với chị Nguyễn Thị Hương G (sinh năm 1991, trú tại tổ N, phường T, thành phố TH) đang có cử chỉ thân mật với nhau ở quán cà phê đầu đường Hoàng Ngân. Khi đó, L bảo N dừng xe lại để theo dõi anh N1 và chị G. Khoảng 20 phút sau, anh N1 và chị G đi ra xe ô tô của anh N1 rồi di chuyển thì L bảo N điều khiển xe ô tô đi theo sau. Anh N1 điều khiển xe đi về quán VAPE (cửa hàng bán thuốc lá điện tử) của mình ở tổ 09, phường H, thành phố TH rồi cùng chị G đi vào bên trong quán. Nhóm của L dừng xe ô tô cách quán khoảng 50 mét để theo dõi. Khoảng 09 giờ cùng ngày, thấy anh N1 ra lái xe ô tô đi khỏi quán thì N điều khiển xe đến trước cửa quán VAPE rồi cả 4 người cùng đi vào trong quán để gặp chị G nói chuyện. Khi vào trong quán thấy chị G đang ngồi ở bàn trước cửa quán gần bàn quây và sử dụng điện thoại thì L dùng tay phải lấy điện thoại của chị G rồi đưa cho Đ mục đích để kiểm tra xem chị G có nhắn tin, gọi điện cho chồng L không. Sau đó, L yêu cầu chị G đi cùng L đến chỗ khác để nói chuyện về việc chị G và chồng của L (anh N1) có mối quan hệ tình cảm với nhau nhưng chị G không đồng ý. L bực tức xông vào kéo tay chị G ra ngoài thì bị chị G chống cự và túm tóc L giằng lại, L một tay gỡ tay chị G ra khỏi tóc của mình, một tay cầm vào vai của chị G kéo hướng ra ngoài cửa nhưng bị chị G đẩy ngã ra nền gần cửa quán. Lúc này Đ lao vào giúp L cầm tay chị G kéo ra ngoài để đưa lên xe ô tô của N. Khi ra đến gần xe ô tô, do chị G không đồng ý lên xe ô tô nên Đ lên xe ô tô hàng ghế sau rồi kéo chị G vào trong xe, L đẩy từ phía sau lưng của chị G, còn Quỳnh A túm chân của chị G đẩy vào trong xe. Sau khi L, Đ và Quỳnh A đưa được chị G lên xe ngồi ở hàng ghế sau của xe ô tô, chị G ngồi giữa, L ngồi bên phải và Đ ngồi bên trái chị G. N đóng cửa sau xe ô tô rồi lên lái xe, Quỳnh A ngồi ở ghế phụ. L bảo N điều khiển xe đi đến chỗ vắng thì N điều khiển xe ô tô đi vào trường Đại học Nông Lâm TH, đi đến khu vực bãi đất trống ven đường gần Bệnh xá Thú y Cộng đồng thì dừng xe. L yêu cầu chị G xuống xe để nói chuyện về việc chị G có mối quan hệ tình cảm với chồng mình rồi L lao vào dùng chân tay đánh, đập vào người chị G. Chị G cũng dùng chân tay đánh trả lại L, khoảng 5 phút thì dừng lại. Chị G xin lỗi L vì đã có quan hệ tình cảm với chồng của L. Lúc này, Đ trả lại điện thoại cho chị G rồi tất cả lên xe ô tô và ngồi vào vị trí như lúc đầu. N điều khiển xe chở mọi người đến quán cà phê ở đường Bắc Sơn thuộc phường H, thành phố TH và gọi anh N1 ra nói chuyện. Tại đây anh N1 xin lỗi L vì đã ngoại tình với chị G, sau đó nhóm của L đi về. Chị G gọi điện cho người nhà đến đón về, sau đó được đưa vào Bệnh viện Trung Ương TH điều trị. Ngày 20/7/2020, ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1953, HKTT: Tổ N, phường T, thành phố TH (là bố đẻ của chị G) đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TH trình báo sự việc.

Hậu quả: Tại Bệnh án của Bệnh viện Trung Ương TH thể hiện, chị G bị chấn thương gối hai bên, xây xát bầm tím nhiều vị trí. Tại bản kết luận số 415 ngày 18/8/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh TH kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với chị G là 2% (*Hai phần trăm*).

Phần dân sự: Chị G yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 15.000.000 đồng. Hiện các bị cáo đã tự N nộp số tiền trên để bồi thường.

Vật chứng của vụ án:

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe, màu trắng, BKS: 20A-238.xx, đăng ký xe mang tên Nguyễn Đức N. Ngày 06/7/2020, N đã bán chiếc xe này cho anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988, trú tại: Thôn B, xã L, huyện Ú, thành phố H.

- Số tiền 15.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, là tiền các bị cáo tự nguyện nộp cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKSTPTN ngày 11/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH đã truy tố Bùi Thị Thùy L, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Đức N và Nguyễn Thị Quỳnh A về tội: “*Bắt người trái pháp luật*” theo khoản 1 Điều 157 BLHS.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Bùi Thị Thùy L, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Đức N và Nguyễn Thị Quỳnh A phạm tội “*Bắt người trái pháp luật*”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị Thùy L từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thử thách theo quy định của pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn Đ, Nguyễn Đức N từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thử thách theo quy định của pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh A từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thử thách theo quy định của pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận các bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền bồi thường là 15.000.000 đồng.

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS: Trả lại cho anh Nguyễn Văn H 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe, màu trắng, BKS 20A-238.xx.

- Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không tranh luận, thừa nhận việc truy tố và xét xử các bị cáo về tội “*Bắt người trái pháp luật*” là không oan, đúng người, đúng tội.

Phần lời nói sau cùng các bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, đơn trình báo, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 19/7/2020, Nguyễn Đức N điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe, màu trắng, BKS: 20A-238.xx cùng Bùi Thị Thùy L, Đỗ Văn Đ và Nguyễn Thị Quỳnh A (là vợ của Đ) đi ăn sáng, khi đi trên đường Hoàng Ngân thuộc phường P, thành phố TH thì L, N, Đ và Quỳnh A nhìn thấy chồng của L là Nguyễn Văn N1 cùng với chị Nguyễn Thị Hương G đang có cử chỉ thân mật với nhau ở quán cà phê đầu đường Hoàng Ngân. Khoảng 20 phút sau, anh N1 và chị G đi ra xe ô tô của anh N1 rồi di chuyển thì L bảo N điều khiển xe ô tô đi theo sau. Anh N1 điều khiển xe đi về quán VAPE (cửa hàng bán thuốc lá điện tử) của mình ở tổ 09, phường H, thành phố TH rồi cùng chị G đi vào bên trong quán. Đến 09 giờ 00 phút, Bùi Thị Thùy L, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Đức N và Nguyễn Thị Quỳnh A thấy N1 rời khỏi quán, L đến chỗ chị G lấy chiếc điện thoại chị G đang cầm trên tay đưa cho Đ để kiểm tra và yêu cầu chị G ra ngoài, lên xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe, màu trắng, BKS: 20A-238.xx đi chỗ khác để nói chuyện. Chị G không đồng ý đi thì L kéo tay chị G ra xe. Do chị G chống cự, không đồng ý lên xe ô tô nên Đ kéo tay chị G lên xe, còn L và Quỳnh A đẩy chị G từ phía sau vào ghế sau xe. N đóng cửa xe và điều khiển xe đi đến bãi đất trống trong trường Đại học Nông Lâm TH. Tại đây L có hành vi dùng tay chân đánh chị

G gây thương tích 02%. Chị G thừa nhận có quan hệ bất chính với chồng của L thì N điều khiển xe chở mọi người về quán cà phê ở đường Bắc Sơn thuộc phường H, thành phố TH. Chị G yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 15.000.000 đồng. Các bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền trên tại cơ quan điều tra Công an thành phố TH.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Bùi Thị Thùy L, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Đức N và Nguyễn Thị Quỳnh A đã phạm vào tội: “*Bắt người trái pháp luật*”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Nội dung điều 157 quy định: “1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH truy tố Bùi Thị Thùy L, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Đức N và Nguyễn Thị Quỳnh A về tội “*Bắt người trái pháp luật*” theo khoản 1 Điều 157 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng, song nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến sức khỏe của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm khắc bằng pháp luật hình sự để giáo dục cải tạo đối với bị cáo và ngăn ngừa tội phạm nói chung.

Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, không có sự bàn bạc phân công khi thực hiện hành vi phạm tội. Do đó các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội do các bị cáo gây ra.

[4] Xét về nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Bùi Thị Thùy L được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội tự N bồi thường thiệt hại*”, “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, và “*Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong học tập hoặc công tác*” quy định tại điểm b, i, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bố đẻ bị cáo là ông Bùi Minh K được Nhà nước tặng thưởng Huy chương Chiến sĩ vẻ vang, bị cáo phạm tội trong trường hợp bị hại cũng có lỗi nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Đỗ Văn Đ, Nguyễn Đức N và Nguyễn Thị Quỳnh A được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”, quy định tại điểm b, i, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 BLHS.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú ổn định, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước, tạo cơ hội cho các bị cáo sửa chữa lỗi lầm không cần thiết cách ly các bị cáo mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tại cơ quan điều tra chị G yêu cầu các bị cáo bồi thường gồm các khoản tiền viện phí, tiền bồi dưỡng sức khỏe với tổng số tiền là 15.000.000 đồng, các bị cáo nhất trí bồi thường và đã tự nguyện nộp số tiền trên cho cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[6]. Về vật chứng vụ án:

+ Quá trình điều tra xác định: Ngày 06/7/2020 Nguyễn Đức N đã bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe, màu trắng, BKS: 20A-238.xx cho anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988, trú tại: Thôn B, xã L, huyện Ú, thành phố H. Ngày 12/7/2020, do anh H có công việc không sử dụng xe nên N mượn xe của anh H để đi nhưng không nói cho anh H biết mục đích mượn xe, Hội đồng xét xử xem xét cần trả lại chiếc xe trên cho anh H quản lý và sử dụng.

[7]. Về án phí, quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án hình sự sơ thẩm. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8]. Về các vấn đề khác:

Đối với có hành vi dùng chân tay đánh chị G gây thương tích 02% (Hai phần trăm) của Bùi Thị Thùy L, xét hành vi của L không cấu thành tội phạm hình sự, Công an thành phố TH đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với L.

Đối với hành vi L lấy chiếc điện thoại của chị G đưa cho Đ, tuy nhiên L và Đ không có ý thức chiếm đoạt chiếc điện thoại này nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

Đối với anh Nguyễn Văn H là người cho Nguyễn Đức N mượn chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe, màu trắng, BKS: 20A-238.xx, anh H không biết N sử dụng xe để thực hiện tội phạm nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh H là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 326 bộ luật tố tụng hình sự

Tuyên bố: các bị cáo Bùi Thị Thùy L, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Đức N, Nguyễn Thị Quỳnh A phạm tội "*Bắt người trái pháp luật*"

2. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS: xử phạt bị cáo Bùi Thị Thùy L 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Thị Thùy L cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố TH, tỉnh TH giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Đỗ Văn Đ 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS xử phạt các bị cáo Nguyễn Đức N, Nguyễn Thị Quỳnh A mỗi bị cáo 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Văn Đ và bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh A cho Ủy ban nhân dân phường Q, giao bị cáo Nguyễn Đức N cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố TH, tỉnh TH giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo Bùi Thị Thùy L, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Đức N, Nguyễn Thị Quỳnh A cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Trả cho chị Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 1991 - trú tại tổ N, phường T, thành phố TH, tỉnh TH số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) (*theo ủy nhiệm chi số 3 ngày 26/01/2021*)

4. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

- Trả cho anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988, trú tại: Thôn B, xã L, huyện Ú, thành phố H 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI Santafe, màu trắng, BKS: 20A-238.xx và chìa khóa xe, đã qua sử dụng.

(*Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 184 ngày 02/02/2021 giữa Công an thành phố TH và Chi cục thi hành án dân sự thành phố TH*).

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- Công an thành phố TH;
- Chi cục THADS TP. TH;
- Sở tư pháp tỉnh TH;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- THAHS;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thanh Trúc